TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2017
Vv *"ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Trà**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Long**
Ông **Dương Minh Ngọc**

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông **Đặng Tư Thình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc về việc *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Võ Thị Hồng N**, sinh năm 1985; có mặt
Trú tại: thôn L, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;
- Bị đơn: anh **Trần Châu N**, sinh năm 1985; vắng mặt
Trú tại: thôn P, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2017, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Võ Thị Hồng N trình bày:

Chị N và anh N tự nguyện tìm hiểu kết hôn với nhau và đăng kí kết hôn tại xã Tam Tiến, huyện Núi Thành vào ngày 30 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn hai người thuê nhà trọ chung sống với nhau tại số 239/26 đường Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình, tư tưởng, lối sống giữa hai người không hợp nhau. Anh N không có trách nhiệm với vợ và thường xuyên chửi mắng, đe dọa chị N. Dịp tết nguyên đán vừa qua anh N dọa sẽ đánh chị N nằm viện không bao giờ tỉnh lại và sẽ bắt chị N làm nô lệ cho anh N suốt đời. Đến ngày mùng 6 tết thì chị N và anh N đi ra nhà trọ để đi làm nhưng hai người không nói chuyện với nhau. Sau đó anh N đi làm và không trở về nhà trọ nên từ đó giữa hai người không còn sống chung, không còn lo lắng,

chăm sóc cho nhau. Chị N thấy không còn tình cảm với anh N, đời sống chung giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh N; Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị N và anh N không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay mượn nợ không có. Ngoài ra chị N không trình bày và không yêu cầu gì thêm;

Bị đơn anh Trần Châu N trình bày tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan quá trình tìm hiểu, thời gian kết hôn giống như chị N trình bày. Trong quá trình chung sống đôi khi giữa hai người cũng xảy ra cải vã nhằm để hai người hoàn thiện hơn và hiểu nhau hơn trong cuộc sống vợ chồng. Anh N bất ngờ khi nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án đến giải quyết ly hôn vì khi quyết định đi đến hôn nhân giữa hai người đã xác định tư tưởng vững vàng, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn. Vì vậy anh N mong muốn được về đoàn tụ và không đồng ý ly hôn với chị N. Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị N và anh N không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không có gì phải giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị N và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Tiến, huyện Núi Thành nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Anh N cư trú tại xã Tam Tiến, huyện Núi Thành nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điều 35 và điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị N và anh N là "ly hôn" và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định, đã triệu tập chị N, anh N đến tham gia phiên họp và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho anh N nhưng anh N không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Tiến, huyện Núi Thành nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi cưới, hai người sống chung với nhau tại số 239/26 đường Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình, tư tưởng, lối sống giữa hai người không hợp

nhau, anh N thường xuyên mắng chửi, đe dọa chị N. Từ đầu năm 2017 đến nay, chị N và anh N không còn chung sống, không còn lo lắng, chăm sóc cho nhau. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh N đến giải quyết nhưng anh N vẫn không đến, điều này thể hiện anh N đã bỏ mặc cuộc nhân của hai người và không mong muốn đến Tòa án để cùng hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 51 và 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: không có;

[4] Về tài sản chung: không có;

[5] Về nợ chung và cho vay mượn nợ: không có;

[6] Về án phí: chị Võ Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 35, điều 39; điều 147 và điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Hồng N về *"ly hôn"* đối với bị đơn anh Trần Châu N;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Hồng N và anh Trần Châu N.

2. Về con chung: không có;

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có;

Về án phí: chị Võ Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 25 tháng 4 năm 2017 theo biên lai thu số 0001340 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Núi Thành;*
- *THADS huyện Núi Thành;*
- *UBND xã Tam Tiến;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Trà